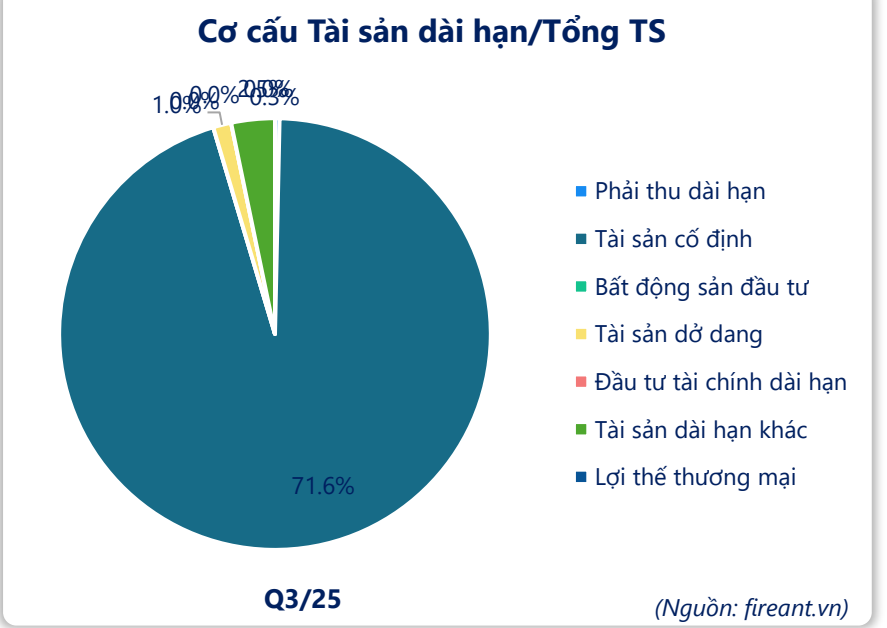
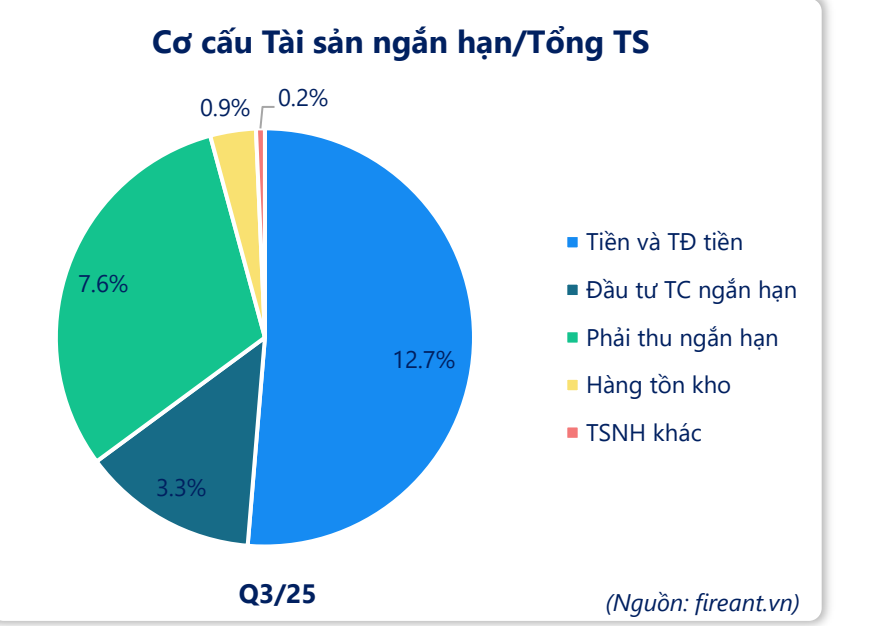
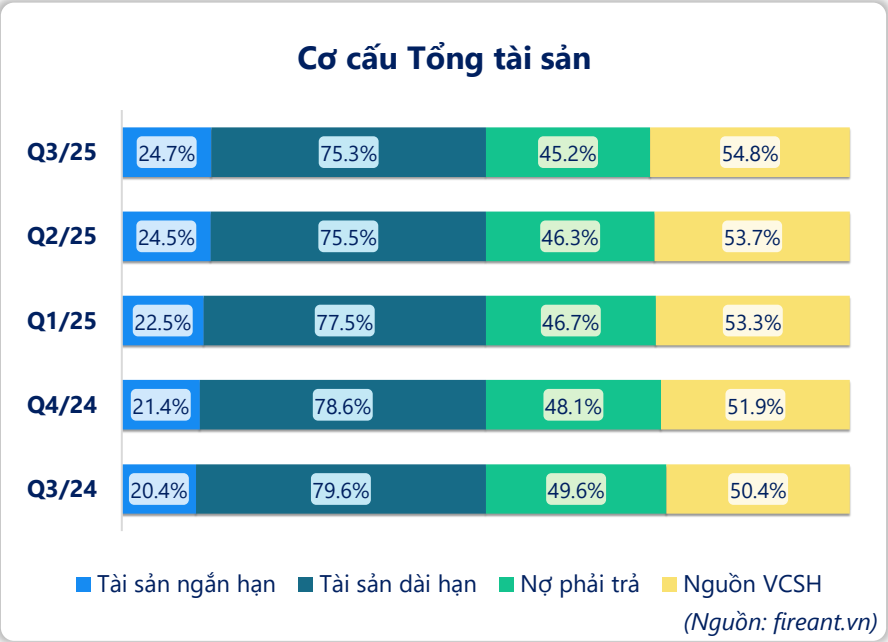
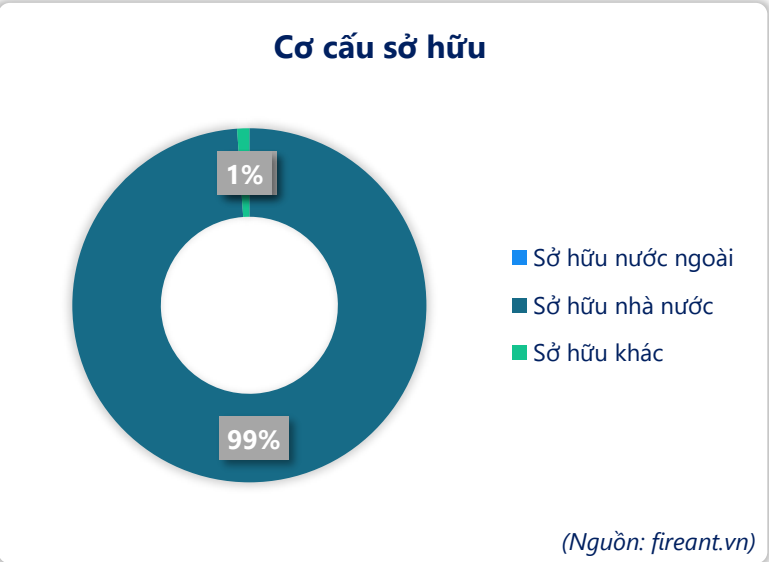
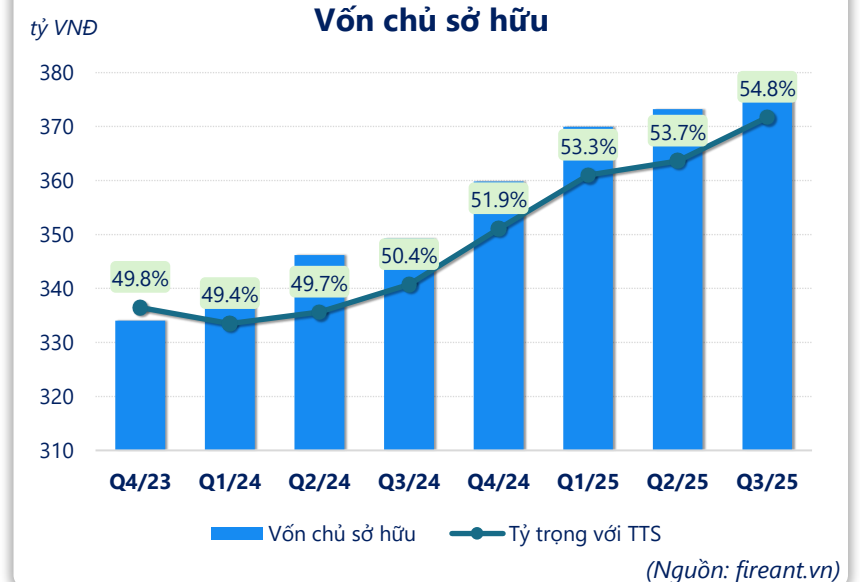
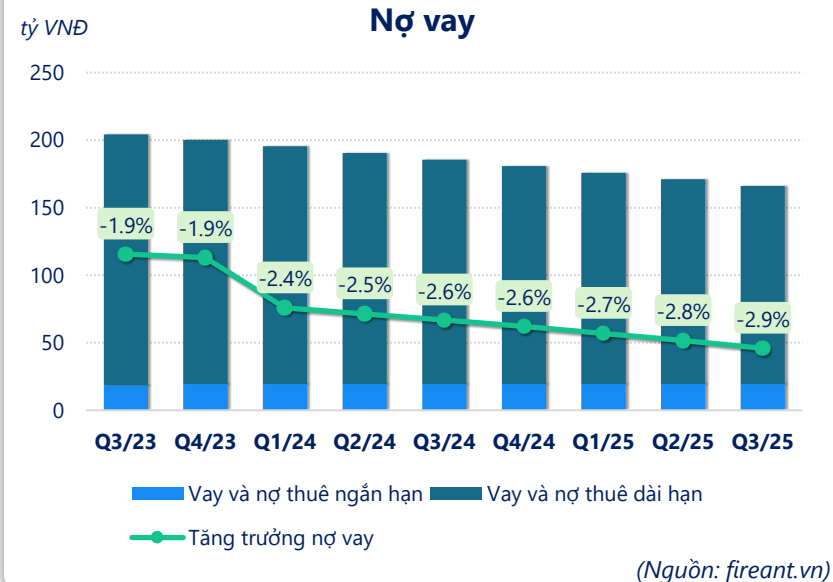
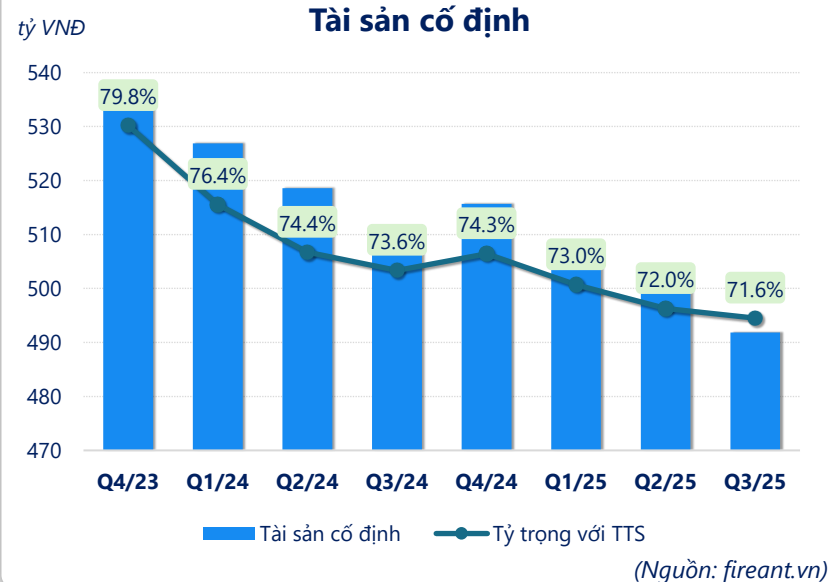
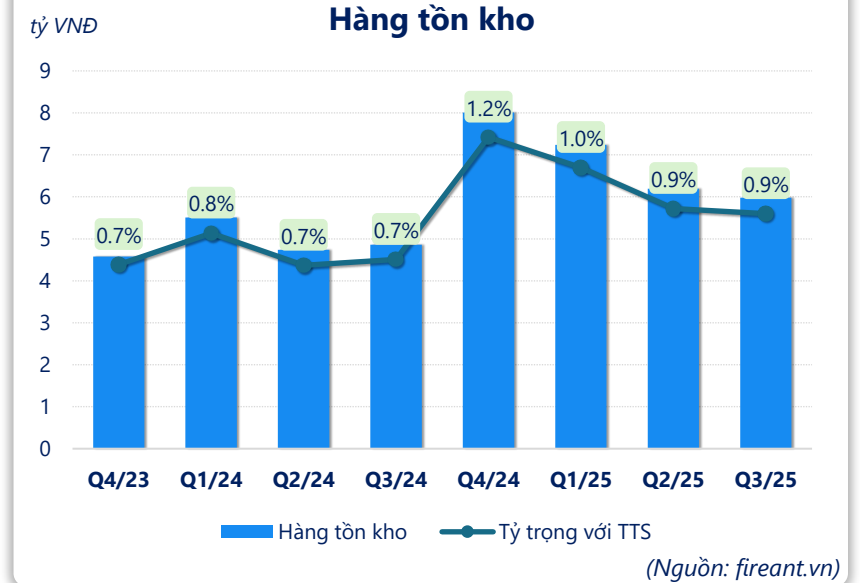
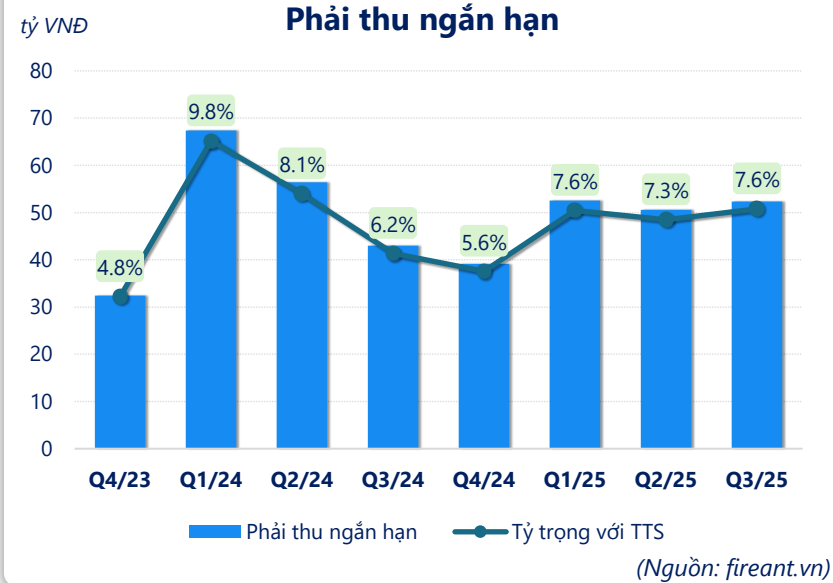
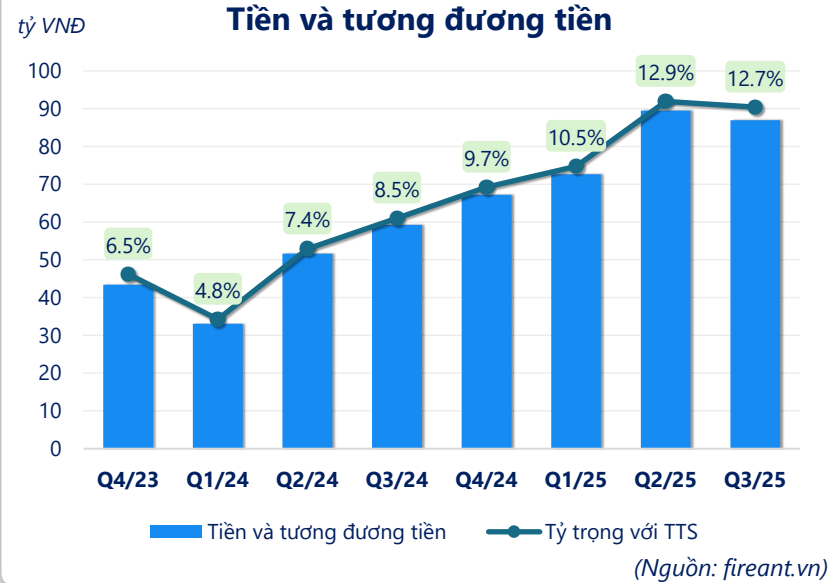
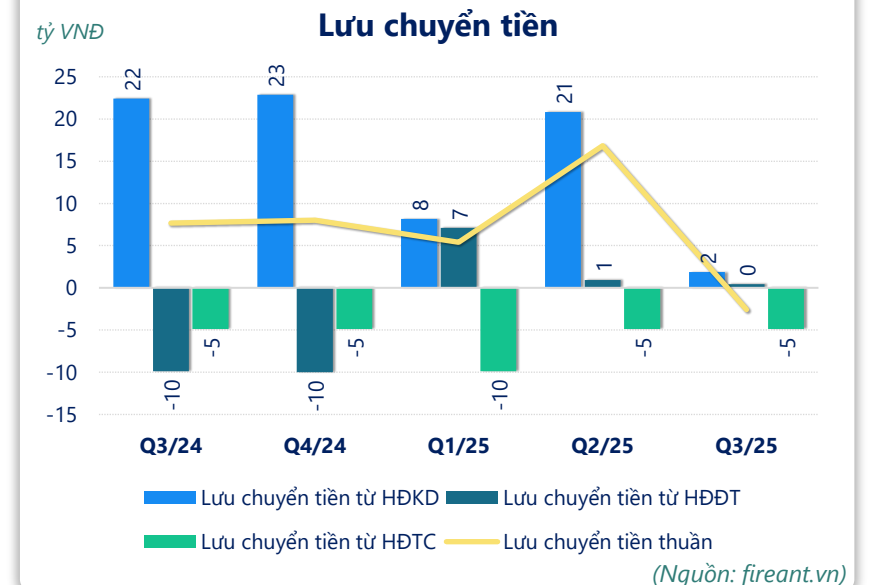
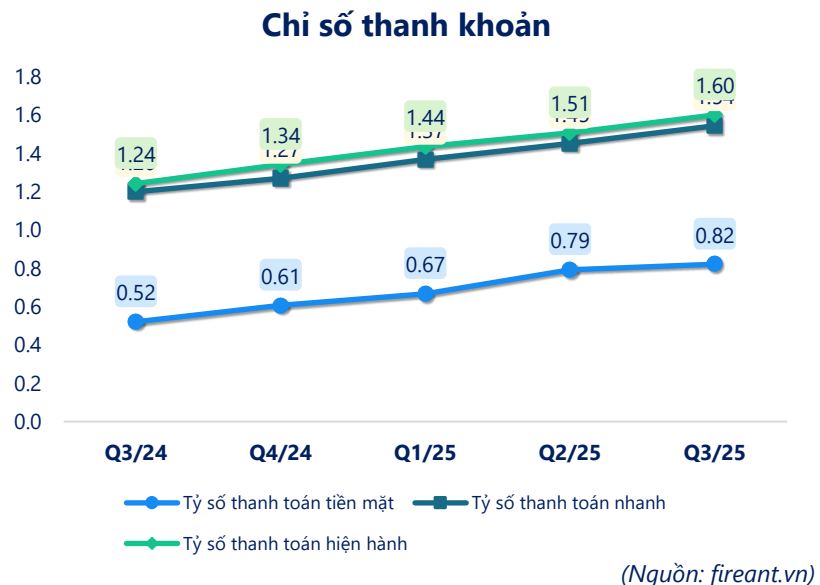
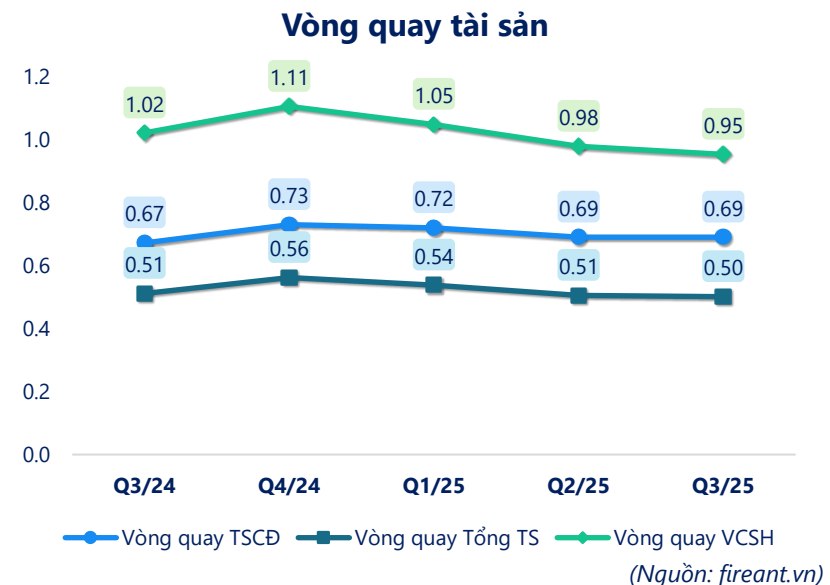
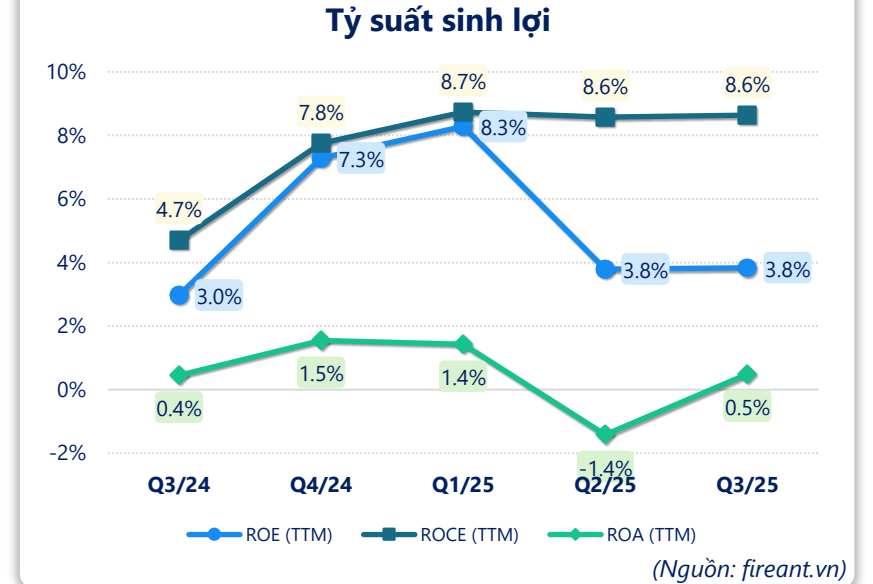
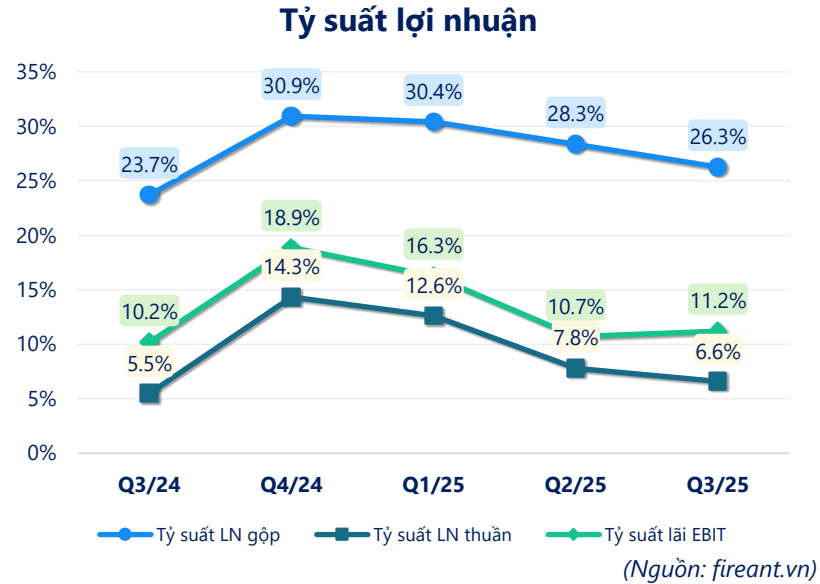
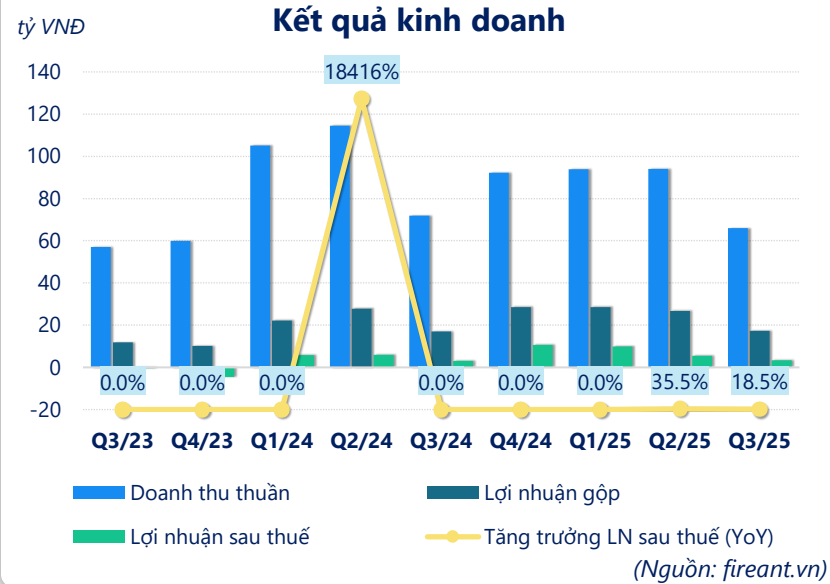


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,100
SL cổ phiếu LH		32,405,415
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		262
P/E		18.8
EPS		430

	YTD	1T	3T	6T
CMP	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	687	693	-0.9%
Tài sản ngắn hạn	169	148	14.3%
Tiền và tương đương tiền	86.9	67.3	29.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.0	33.0	-30.3%
Phải thu ngắn hạn	52.3	38.6	35.5%
Hàng tồn kho	5.98	8.01	-25.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.16	1.28	-9.0%
Tài sản dài hạn	518	545	-5.1%
Phải thu dài hạn	1.76	3.54	-50.1%
Tài sản cố định	492	516	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.03	12.7	-44.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	16.9	13.2	27.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	310	333	-6.9%
Nợ ngắn hạn	106	110	-3.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.5	19.5	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.57	7.63	12.3%
Nợ dài hạn	205	223	-8.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	147	161	-9.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	377	360	4.6%
Vốn chủ sở hữu	377	360	4.6%
Vốn điều lệ	324	324	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	71.9	92.3	93.8	94.0	65.9
Giá vốn hàng bán	54.9	63.7	65.3	67.4	48.6
Lợi nhuận gộp	17.1	28.5	28.5	26.7	17.3
Doanh thu HĐTC	0.59	0.33	0.17	0.63	0.21
Chi phí TC	3.47	4.19	3.20	3.15	3.10
Chi phí lãi vay	3.45	4.19	3.20	3.15	3.10
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.45	1.12	0.78	0.71	0.35
Chi phí QLDN	9.78	10.3	12.9	16.1	9.73
LN thuần từ HĐKD	3.95	13.2	11.8	7.33	4.34
Lợi nhuận khác	-0.08	0.00	0.22	-0.42	-0.05
LN trước thuế	3.87	13.2	12.1	6.91	4.29
Lợi nhuận sau thuế	3.09	10.6	9.86	5.42	3.36
LNST của CĐ cty mẹ	3.09	10.6	9.86	-9.86	3.36

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.4	22.9	8.15	20.8	1.87
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.86	-9.98	7.11	0.91	0.44
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.89	-4.89	-9.89	-4.89	-4.89
Tiền đầu kỳ	51.6	59.2	67.3	72.7	89.5
Lưu chuyển tiền thuần	7.66	8.02	5.38	16.8	-2.57
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	-0.03	0.00	0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	59.2	67.2	72.7	89.5	86.9

(Nguồn: fireant.vn)